

# THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG NĂM 2026

## I. Thông tin chung

- **Tên trường:** Đại học Trung Vương
- **Mã trường:** DVP
- **Tên tiếng Anh:** Trung Vương University
- **Tên viết tắt:** TVUni
- **Địa chỉ:** Xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc
- **Website:** <https://tv-uni.edu.vn/>
- **Facebook:** <https://www.facebook.com/TrungVuongUniversity>

## II. Tuyển sinh đào tạo Đại học chính quy

### 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

### 2. Phương thức tuyển sinh

Năm 2026, trường Đại học Trung Vương tuyển sinh với chỉ tiêu 1600; sử dụng 4 phương thức xét tuyển như sau:

**Phương thức 1:** Xét tuyển học bạ THPT

**Phương thức 2:** Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

**Phương thức 3:** Xét tuyển thẳng

**Phương thức 4:** Xét kết quả thi ĐGNL, ĐGTD do các cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thực hiện

### 3. Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Ngành	Mã ngành	Chương trình Đào tạo	Tổ hợp xét tuyển KQ Học tập và thi TN. THPT	Thời gian	Dự kiến học phí
1	Kế toán	7340301	1. Kế toán - Kiểm toán 2. Kế toán doanh nghiệp 3. Kế toán công	A00; A01; A07; D01; C01; C03; C14; C20	3 năm (9 kỳ học)	90.000.000đ
2	Quản trị kinh doanh	7340101	1. Quản trị doanh nghiệp 2. Quản trị nhân sự 3. Quản trị marketing	A00; A01; A07; D01; C01; C03; C14; C20	3 năm (9 kỳ học)	90.000.000đ
3	Tài chính ngân hàng	7340201	Tài chính ngân hàng	A00; A01; A07; D01	3 năm (9 kỳ học)	80.000.000đ
4	Kinh tế quốc tế	7310106	Kinh tế quốc tế	A01; D01; C04; C14	3 năm (9 kỳ học)	106.650.000đ
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2. Quản trị khách sạn và cơ sở lưu trú 3. Quản trị nhà hàng và dịch vụ ẩm thực 4. Quản trị sự kiện và giải trí	A07; C00; D01; D14; A05; B01; D02; D04	3 năm (9 kỳ học)	99.000.000đ
6	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	A07; A00; A01; D01; D14	3 năm (9 kỳ học)	80.000.000đ
7	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	A00; A01; D01; C00; C03; C04; C19; C20; D14	3 năm (9 kỳ học)	80.000.000đ
8	Ngôn ngữ Anh	7220201	1. Ngôn ngữ Anh	D01; D07; D08; D09; D10; D11; D14; D15; A01	3 năm (9 kỳ học)	90.000.000đ
			2. Tiếng Anh Biên - Phiên dịch 3. Tiếng Anh Thương mại 4. Tiếng Anh Pháp lý		3,5 năm (10 kỳ học)	96.300.000đ
9	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	1. Ngôn ngữ Trung Quốc	D01; D04; D09; D10; D45; C00	3 năm (9 kỳ học)	99.456.000đ
			2. Tiếng Trung Quốc Biên - Phiên dịch 3. Tiếng Trung Quốc Thương mại 4. Tiếng Trung Quốc Du lịch		3,5 năm (10 kỳ học)	108.216.000đ
10	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	1. Biên phiên dịch tiếng Hàn 2. Tiếng Hàn thương mại 3. Tiếng Hàn du lịch 4. Tiếng Hàn kinh tế	D01; D07; D08; D09; D10; D15; D14; DD2; DH1; DHS; A01; AH2; AH3; AH4; C00	3,5 năm (10 kỳ học)	99.000.000đ
11	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	A00; A01; C00; C02; C15; D01; D14; D15	3 năm (9 kỳ học)	106.000.000đ
12	Công nghệ thông tin	7480201	1. Công nghệ thông tin 2. Công nghệ phần mềm 3. Kỹ thuật An toàn thông tin 4. Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	A00; A01; D01; D07; X02; X06; X26	3,5 năm (10 kỳ học)	95.000.000đ
13	Dược học	7720201	Dược học	A00; B00; D07; A02; B03; B08; C02	5 năm (15 kỳ học)	153.000.000đ
14	Điều dưỡng	7720301	1. Điều dưỡng 2. Điều dưỡng hộ sinh	A01; B03; B04; B08; C02; C08; D07; A00; A02; B00	3,5 năm (10 kỳ học)	99.000.000đ
15	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	1. Công nghệ kỹ thuật ô tô 2. Công nghệ kỹ thuật ô tô điện	A00; A01; D01; D10	3,5 năm (10 kỳ học)	99.000.000đ
16	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00; A01; A07; D01	3 năm (9 kỳ học)	78.300.000đ

#### 4. Thông tin khác

Hồ sơ xét tuyển học bạ

- 01 Bản photo Học bạ THPT/GDTX đủ 3 năm học. Thời điểm thí sinh đăng ký xét tuyển chưa được cấp đủ học bạ 3 năm thì thí sinh nộp học bạ từ lớp 10 đến kì 1 lớp 12
- 01 Bản photo bằng tốt nghiệp THPT hoặc Chứng nhận tốt nghiệp tạm thời
- 01 Đơn xin xét tuyển theo mẫu của Đại học Trung Vương
- 01 Bản photo căn cước công dân (hai mặt)